HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2023/NQ-HĐND	*Bình Thuận, ngày 09 tháng 5 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 14 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi

tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét Tờ trình số 1145/TTr-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 21/BC-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh, gồm: Kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hóa, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác do cơ quan có thẩm quyền tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ chuyên môn.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; các cơ sở giáo dục; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo

1. Các nội dung, mức chi cụ thể cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự kỳ thi tuyển sinh đầu cấp, kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hóa, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia được quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

2. Các nội dung, mức chi cụ thể cho các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác do cơ quan có thẩm quyền tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ chuyên môn bao gồm: các kỳ kiểm tra, khảo sát chất lượng dạy và học, thi nghề phổ thông, thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi, giáo viên tổng phụ trách đội giỏi,

các hội thi về phong trào văn thể mỹ và các cuộc thi, hội thi khác trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo được quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

3. Các nội dung, mức chi cho các kỳ thi, cuộc thi, hội thi không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 08 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông và các quy định hiện hành.

4. Mức chi tại Nghị quyết này thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa XI, kỳ họp thứ 14 (chuyên đề) thông qua ngày 09 tháng 5 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2023./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác đại biểu - UBTV Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, (CTHĐ 08b), Thúy.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Nguyễn Hoài Anh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I

Quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự kỳ thi tuyển sinh đầu cấp, kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hóa, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia

(Kèm theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 09/5/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
I	**Tiền công cho các chức danh**		
1	**Hội đồng/Ban ra đề thi**		
	Chủ tịch/Trưởng ban	đồng/người/ngày	580.000
	Phó Chủ tịch /Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	500.000
	Ủy viên, thư ký, bảo vệ, công an vòng trong 24 giờ/ngày	đồng/người/ngày	380.000
	Ủy viên, thư ký vòng ngoài	đồng/người/ngày	380.000
	Nhân viên phục vụ, y tế, công an, bảo vệ vòng ngoài	đồng/người/ngày	180.000
2	**Hội đồng/Ban in sao đề thi**		
	Chủ tịch/Trưởng ban	đồng/người/ngày	500.000
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	430.000
	Ủy viên, thư ký, nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	đồng/người/ngày	380.000
	Ủy viên, thư ký vòng ngoài	đồng/người/ngày	380.000
	Nhân viên phục vụ, y tế, công an, bảo vệ vòng ngoài	đồng/người/ngày	180.000
	Thành viên vận chuyển đề thi	đồng/người/ngày	380.000
3	**Ban chỉ đạo thi**		
	Trưởng ban, Phó Trưởng ban thường trực, Phó Trưởng ban, Ủy viên, thư ký, nhân viên phục vụ	đồng/người/ngày	200.000
4	**Hội đồng thi**		
	Chủ tịch	đồng/người/ngày	500.000
	Phó Chủ tịch	đồng/người/ngày	430.000
	Ủy viên	đồng/người/ngày	380.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
5	**Ban thư ký Hội đồng thi**		
	Trưởng ban	đồng/người/ngày	500.000
	Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	430.000
	Ủy viên	đồng/người/ngày	380.000
6	**Hội đồng/Ban coi thi**		
	Chủ tịch/Trưởng ban/Trưởng điểm thi	đồng/người/ngày	500.000
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban/Phó Trưởng điểm thi	đồng/người/ngày	430.000
	Ủy viên, thư ký, giám thị, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát, trật tự viên, công an vòng trong	đồng/người/ngày	380.000
	Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ, công an vòng ngoài	đồng/người/ngày	180.000
7	**Ban/Tổ làm phách**		
	Trưởng ban/Tổ trưởng	đồng/người/ngày	500.000
	Phó Trưởng ban/Tổ phó	đồng/người/ngày	430.000
	Ủy viên, thư ký, nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	đồng/người/ngày	380.000
	Nhân viên phục vụ, y tế, công an, bảo vệ vòng ngoài	đồng/người/ngày	180.000
8	**Hội đồng/Ban chấm thi, chấm phúc khảo, chấm thẩm định bài thi**		
	Chủ tịch/Trưởng ban	đồng/người/ngày	580.000
	Phó Chủ tịch thường trực/Phó Trưởng ban thường trực	đồng/người/ngày	500.000
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	430.000
	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, công an vòng trong	đồng/người/ngày	380.000
	Nhân viên phục vụ, bảo vệ, y tế, công an vòng ngoài	đồng/người/ngày	180.000
9	**Thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau kỳ thi**		
	Trưởng đoàn/Tổ trưởng	đồng/người/ngày	500.000
	Thành viên/Thanh tra độc lập	đồng/người/ngày	380.000
10	**Trực đêm cho các Hội đồng/Ban thi**	đồng/người/đêm	350.000
II	**Tiền công ra đề thi**		
1	**Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi**		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	Chủ trì	đồng/người/ngày	580.000
	Thành viên	đồng/người/ngày	380.000
2	**Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận**	đồng/đề	600.000
3	**Tiền công ra đề đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm**	đồng/người/ngày	770.000
III	**Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi**		
1	**Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi**		
	Chủ trì	đồng/người/ngày	580.000
	Thành viên	đồng/người/ngày	380.000
2	**Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi**		
	Soạn thảo câu hỏi thô	đồng/câu	35.000
	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	đồng/câu	30.000
	Thử nghiệm, phân tích, đánh giá câu hỏi	đồng/câu	30.000
	Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	đồng/câu	25.000
	Xây dựng đề thi thử nghiệm; tổ chức thử nghiệm và phân tích, đánh giá các đề thi sau thử nghiệm	đồng/câu	25.000
	Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau thử nghiệm đề thi	đồng/câu	17.500
	Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	đồng/câu	5.000
3	**Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm**		
	Chủ trì	đồng/người/ngày	580.000
	Thành viên	đồng/người/ngày	380.000
IV	**Tiền công chấm bài**		
	Cán bộ chấm thi, phúc khảo, thẩm định	đồng/người/ngày	770.000
	Tổ trưởng, tổ phó tổ chấm thi	đồng/người/đợt	300.000
V	**Tiền công tập huấn các đội tuyển**		
	Phụ trách lớp tập huấn	đồng/người/ngày	380.000
	Biên soạn, giảng dạy lý thuyết, thực hành	đồng/người/giờ dạy	190.000
	Trợ lý thí nghiệm, thực hành	đồng/người/giờ dạy	140.000

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II

Quy định nội dung, mức chi cho các kỳ thi, cuộc thi, hội thi do cơ quan có thẩm quyền tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ chuyên môn, bao gồm: các kỳ kiểm tra, khảo sát chất lượng dạy và học, thi nghề phổ thông, thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi, giáo viên tổng phụ trách đội giỏi, các hội thi về phong trào văn thể mỹ và các cuộc thi, hội thi khác trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo

(Kèm theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 09/5/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
A	**Cấp tỉnh**		
I	**Tiền công cho các chức danh**		
1	**Hội đồng/Ban ra đề thi**		
	Chủ tịch/Trưởng ban	đồng/người/ngày	410.000
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	300.000
	Ủy viên, thư ký	đồng/người/ngày	270.000
	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	đồng/người/ngày	130.000
2	**Hội đồng/Ban in sao đề thi**		
	Chủ tịch/Trưởng ban	đồng/người/ngày	350.000
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	300.000
	Ủy viên, thư ký, thành viên vận chuyển đề thi	đồng/người/ngày	270.000
	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	đồng/người/ngày	130.000
3	**Ban tổ chức**		
	Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Ủy viên, thư ký, nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	đồng/người/ngày	140.000
4	**Hội đồng/Ban coi thi**		
	Chủ tịch/Trưởng ban	đồng/người/ngày	350.000
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	300.000
	Ủy viên, thư ký, giám thị	đồng/người/ngày	270.000
	Nhân viên phục vụ, bảo vệ, công an	đồng/người/ngày	130.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
5	**Ban/Tổ làm phách**		
	Trưởng ban/Tổ trưởng	đồng/người/ngày	350.000
	Phó Trưởng ban/Tổ phó	đồng/người/ngày	300.000
	Ủy viên, thư ký	đồng/người/ngày	270.000
	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	đồng/người/ngày	130.000
6	**Hội đồng/Ban giám khảo/Ban chấm thi, chấm phúc khảo, chấm thẩm định bài thi**		
	Chủ tịch/Trưởng ban	đồng/người/ngày	410.000
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	300.000
	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, giám khảo, cán bộ chấm thi	đồng/người/ngày	270.000
	Tổ trưởng, tổ phó	đồng/người/đợt	210.000
	Nhân viên phục vụ, bảo vệ, công an	đồng/người/ngày	130.000
7	**Thanh tra, kiểm tra**		
	Trưởng đoàn/Tổ trưởng	đồng/người/ngày	350.000
	Thành viên/Thanh tra độc lập	đồng/người/ngày	270.000
8	**Trực đêm cho các Hội đồng/Ban thi**	đồng/người/đêm	250.000
II	**Tiền công ra đề thi**		
1	**Tiền công xây dựng và phê duyệt đề thi**		
	Chủ trì	đồng/người/ngày	410.000
	Thành viên	đồng/người/ngày	270.000
2	**Tiền công ra đề đề xuất**	đồng/đề	420.000
3	**Tiền công ra đề đề thi chính thức và dự bị**	đồng/người/ngày	540.000
III	**Khen thưởng**		
1	**Giấy khen, khung khen, cờ, huy chương**	Theo thực tế phát sinh	
2	**Mức khen**		
a	Giải cá nhân		
	Giải nhất	đồng/giải	270.000
	Giải nhì	đồng/giải	240.000
	Giải ba	đồng/giải	220.000
b	Giải đôi (hai người)		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	Giải nhất	đồng/giải	540.000
	Giải nhì	đồng/giải	490.000
	Giải ba	đồng/giải	430.000
c	Giải đồng đội		
	Giải nhất	đồng/giải	1.080.000
	Giải nhì	đồng/giải	970.000
	Giải ba	đồng/giải	860.000
d	Giải toàn đoàn		
	Giải nhất	đồng/giải	2.160.000
	Giải nhì	đồng/giải	1.940.000
	Giải ba	đồng/giải	1.730.000
3	**Mức khen giáo viên được công nhận tại các kỳ thi, cuộc thi, hội thi**	đồng/giải	270.000
B	**Cấp huyện, cấp trường**	Mức chi cấp huyện bằng 80% cấp tỉnh. Mức chi cấp trường do Thủ trưởng đơn vị cân đối nguồn kinh phí của trường quyết định nhưng không vượt quá 80% mức chi cấp tỉnh	